TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/DS-PT
Ngày: 01 -12 - 2021
V/v "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Nguyễn Văn Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 97/2021/TLPT-DS ngày 13/9/2021 về việc:*"Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2021/QĐ-PT ngày 14/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, ấp Thuận Phú 3, xã Th, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: khu phố Ph, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Phạm Văn L, sinh năm 1963 (đã chết)

(Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L là bà Phạm Thị D , sinh năm 1960, chị Phạm Thị H , sinh năm 1987 và anh Phạm Văn H, sinh năm 1993)

3.2 Bà Phạm Thị D , sinh năm 1960

3.3 Chị Phạm Thị H , sinh năm 1987

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, ấp Thuận Phú 3, xã Th, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, chị H và anh H là Bà Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án.

Người kháng cáo nguyên đơn bà Lê Thị L.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Lê Thị L trình bày:

Bà Lê Thị L là vợ của ông Phạm Văn L, sinh năm 1985. Ngày 25 tháng 11 năm 2017, ông Phạm Văn L điều khiển xe mô tô biển số 54X6-4336 chở con Phạm Lê D ngồi phía sau đã va chạm với xe ô tô biển số 93A-098.52 do Ông Lê Ngọc S điều khiển. Hậu quả ông L chết, cháu D bị thương tích.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Phước có Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số: 373/QĐ(PC44) kết luận: Ngày 25 tháng 11 năm 2017, ông Phạm Văn L điều khiển xe mô tô BKS 54X6-4336 chở con Phạm Lê D đi từ đường Bùi Thị Xuân (đường không ưu tiên) qua đường Đặng Thai Mai (đường ưu tiên) mà không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên dẫn đến va chạm vào xe ô tô BKS 93A-098.52 do anh Lê Ngọc Sáng điều khiển là nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông. Ngoài ra, ông L có sử dụng ethanol với hàm lượng 168,27mg trong 100ml máu. Hậu quả ông L chết, cháu D bị thương. Do vậy không có sự việc phạm tội.

Bà Lê Thị L cho rằng trong quá trình xảy ra tai nạn có một phần lỗi của Ông S gây ra là: Ông S điều khiển xe đến ngã tư không giảm tốc độ mà chạy với vận tốc nhanh, việc chạy nhanh có những người xung quanh biết, thời điểm này Ông S đi đám giỗ về nên không khỏi có dùng bia hoặc rượu vì vậy Ông S phải có trách nhiệm bồi thường cho chồng và con của bà L , cụ thể:

Đối với ông Phạm Văn L: Chi phí cứu chữa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước: 1.000.000 đồng, chi phí mai táng: 38.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cho cháu Phạm Lê D : 264.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cháu Phạm Lê Tuấn Đ: 408.000.000đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 130.000.000 đồng, tiền sửa xe mô tô: 5.500.000 đồng, tổng số tiền là: 846.500.000 đồng.

Đối với cháu Phạm Lê D: tiền cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước: 900.000 đồng, tiền xe 02 lần mỗi lần: 1.300.000 đồng, tiền viện phí, thuốc điều trị: 10.612.000 đồng, tiền mua xe lăn: 2.500.000 đồng, tiền xe đi tái khám 04 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 15.000.000 đồng, chi phí người chăm sóc: 30.000.000 đồng, tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 65.000.000 đồng, tổng số tiền thiệt hại của cháu D là: 132.612.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là: 979.112.000 đồng/2 (do lỗi hỗn hợp hai bên) = 489.556.000 đồng, Ông S đã bồi thường 100.000.000 đồng nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông S bồi thường số tiền 389.556.000 đồng.

Tại phiên tòa bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 130.000.000 đồng, số tiền bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông S bồi thường là: 259.556.000 đồng.

Bị đơn Ông Lê Ngọc S trình bày: Ông Lê Ngọc S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L . Nguyên nhân xảy ra tai nạn là hoàn toàn do lỗi của ông Long. Thời điểm tai nạn Ông S đang trên đường đi đám giỗ nên chưa uống rượu hoặc bia,

Công an đã đo nồng độ cồn nhưng không có hàm lượng ethanol. Sau khi tai nạn xảy ra Ông S đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bà L 100.000.000 đồng. Ông S đang hưởng trợ cấp lao động hàng tháng 1.062.000 đồng và đang thất nghiệp nên không có khả năng hỗ trợ thêm cho gia đình bà L .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị H trình bày: Ông L, bà D, chị H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L về việc yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra đối với Ông Lê Ngọc S .

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L về việc yêu cầu Ông Lê Ngọc S phải bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền là 130.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/6/2021, nguyên đơn Bà Lê Thị L nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc Ông S phải bồi thường cho bà L số tiền 260 triệu đồng (làm tròn).

Ngày 16/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X theo hướng buộc Ông S phải bồi thường với tổng số tiền 154.733.000 đồng cho nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X theo hướng buộc Ông S phải có nghĩa vụ bồi thường với tổng số tiền 154.733.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào Thông báo số 373/QĐ(PC44) ngày 13/4/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Phước (Bút lục số 12): Ngày 25/11/ 2017, ông Phạm Văn L điều khiển xe mô tô BKS 54X6-4336 chở con Phạm Lê D đi từ đường Bùi Thị Xuân (đường không ưu tiên) qua đường Đặng Thai Mai (đường ưu tiên) mà không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên dẫn đến va chạm vào xe ô tô BKS 93A-098.52 do Ông Lê Ngọc S điều khiển là nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông. Tại kết luận giám định số: 1736/C09B ngày 12/6/2020 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh về giám định tốc độ phương tiện giao thông qua dữ liệu hình ảnh (video) kết luận: 1. Xác định tốc độ của xe ô tô 93A-098.52 ngay trước khi va chạm tai nạn giao thông là trong khoảng từ 57,6 kilomet/giờ đến 58,6. kilomet/giờ. 2. Xác định tốc độ của xe mô tô 54X6-4336 ngay trước khi va chạm tai nạn giao thông là trong khoảng từ 38 kilomet/giờ đến 39,76. kilomet/giờ.

Tại báo cáo số: 70/BC-QLĐT ngày 22/3/2021 của Phòng Quản lý đô thị thành phố X khẳng định: Tuyến đường Đặng Thai Mai có tốc độ tối đa của xe ô tô và xe mô tô là 60km/h; Tuyến đường Bùi Thị Xuân có tốc độ tối đa của xe ô tô và xe mô tô là 50km/h. Ông Lê Ngọc S điều khiển xe ô tô biển số 93A-098.52 trên tuyến đường Đặng Thai Mai với tốc độ khoảng từ 57,6 kilomet/giờ đến 58,6 kilomet/giờ là không vượt quá tốc độ quy định.

Tuy nhiên, căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2017 ông Phạm Hữu Nam khai (bút lục 117-118): ...Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 25/11/2017 tôi đang ngồi uống nước tại quán ven đường ngã tư Đặng Thai Mai giao Bùi Thị Xuân thì tôi thấy 01 xe ô tô hiệu Toyota màu đen chạy hướng đường Đặng Thai Mai về nhà thi đấu đa năng với vận tốc rất nhanh sau đó tôi nghe thấy tiếng đùng rất to, tôi nhìn thấy xe ô tô đụng vào xe mô tô...

Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2017 bà Nguyễn Thị Q khai (bút lục 127-128):...Nguyên nhân tai nạn là do lỗi của hai bên, người đàn ông điều khiển xe mô tô qua đường chạy bình thường, tốc độc cụ thể bao nhiêu tôi không biết, đã không quan sát còn người đàn ông điều khiển xe ô tô đã chạy qua khá nhanh, không kịp xử lý.

Như vậy, mặc dù việc tai nạn giao thông giữa ông L va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 93A.098.52 do Ông Lê Ngọc S điều khiển không có dấu hiệu của tội

phạm, Cơ quan CSĐT Công an thành phố X ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 359/QĐ(PC44) ngày 13/4/2018 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi... Mặc khác, những người làm chứng ông Nam, bà Quảng chứng kiến trực tiếp vụ tai nạn giao thông đều xác định xe mô tô chạy với tốc độ bình thường còn xe ô tô chạy với tốc độ nhanh, chứng tỏ đây là một phần nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông nếu Ông S điều khiển xe mô tô giảm tốc độ khi đến ngã tư giao nhau giữa đường Bùi Thị Xuân và đường Đặng Thai Mai thì sẽ không xảy ra hậu quả đáng tiếc làm mất đi 01 mạng người và gây ra thương tật suốt đời cho cháu Tuấn Duy, đáng ra khi tham gia giao thông tại đoạn đường gần khu vực trường học (cụ thể Trường THCS Tân Phú, phường Tân Phú, thành phố X , tỉnh Bình Phước) Ông S phải biết tự giảm tốc độ, trong khi ông thừa nhận có nhìn thấy ông L từ xa và tầm nhìn của ông không bị che khuất.

Mặc khác, tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ: Nguyên tắc chung khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ về tốc độ và khoảng cách. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải điều khiển xe chạy với tốc độ phù hợp với điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn giao thông. Điều 5 Thông tư số 91 quy định: Các trường hợp phải giảm tốc độ: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau: *...Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; Qua khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung nhiều người; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông.*

Theo sơ đồ vụ tai nạn giao thông ngày 25/11/2017 thì tại đoạn đường Đặng Thai Mai Ông S điều khiển xe ô tô có biển báo nguy hiểm giao nhau với đường ưu tiên nhưng Ông S không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép nên việc tai nạn giao thông xảy ra có một phần lỗi của Ông S nên Ông S có nghĩa vụ phải bồi thường phần thiệt hại do ông L chết, cháu D bị thương tích cho bà L là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 601 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại mục 1, 2 phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xác định các chi phí hợp lý của gia đình bị hại là 979.112.000 đồng, Cụ thể các khoản như sau:

Đối với ông Phạm Văn L : Chi phí cứu chữa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước: 1.000.000 đồng, chi phí mai táng: 38.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cho cháu Phạm Lê D từ ngày 25/11/2017 đến khi cháu D đủ 18 tuổi: 264.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cháu Phạm Lê Tuấn Đ ngày 25/11/2017 đến khi cháu Đạt đủ 18

tuổi: 408.000.000đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 130.000.000 đồng, tiền sửa xe mô tô: 5.500.000 đồng, tổng số tiền bồi thường là: 846.500.000 đồng.

Đối với cháu Phạm Lê D : Tiền cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước: 900.000 đồng, tiền xe 02 lần mỗi lần: 1.300.000 đồng (xe đi từ Bệnh viện tỉnh Bình Phước xuống Bệnh viện Nhi đồng Sài Gòn), tiền viện phí, thuốc điều trị: 10.612.000 đồng, tiền mua xe lăn: 2.500.000 đồng, tiền xe đi tái khám 04 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 15.000.000 đồng, chi phí người chăm sóc: 30.000.000 đồng, tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 65.000.000 đồng, tổng số tiền thiệt hại của cháu D là: 132.612.000 đồng.

Như vậy, tổng chi phí gia đình bị hại yêu cầu là 979.112.000 đồng (846.500.000 đồng +132.612.000 đồng) - 130.000.000 đồng (nguyên đơn đã tự nguyện rút phần yêu cầu bù đắp tổn thất tinh thần này tại phiên tòa sơ thẩm) = 849.112.000 đồng x 30% (phần lỗi của bị đơn được xác định) = 254.733.600 đồng. Sau khi tai nạn xảy ra, Ông S đã tự nguyện bồi thường cho bà L số tiền 100.000.000 đồng nên Ông S có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bà L số tiền 154.733.600 đồng (254.733.600 đồng -100.000.000 đồng).

Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X buộc Ông S có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bà L tổng số tiền là 154.733.000 đồng (làm tròn số).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí là 154.733.000 đồng x 5% = 7.737.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Bà Lê Thị L được miễn.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị L và chấp nhận kháng nghị số 01/2021/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X .

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X , tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng khoản 6 Điều 26; Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 590, Điều 591 và khoản 2, khoản 3 Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng và sức khỏe do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

2.Buộc Ông Lê Ngọc S phải bồi thường với tổng số tiền 154.733.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3.Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 4.823.000 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L về việc yêu cầu Ông Lê Ngọc S phải bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ông Lê Ngọc S phải chịu số tiền án phí 7.737.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Bà Lê Thị L được miễn nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND thành phố X ;
- VKSND thành phố X ;
- Chi Cục THADS thành phố X ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga